

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 21/2025/DS-ST
Ngày 22 tháng 4 năm 2025
V/v Tranh chấp hợp đồng
tín dụng, vay tài sản.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Đức.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Mộc Khải, bà Huỳnh Hoa Hường.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thuý Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Châu Đốc tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Kim Thoa – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 4 năm 2025, tại Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 609/2024/TLST-DS ngày 29 tháng 10 năm 2024 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng, vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 73/2025/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 3 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 38/2025/QĐST-DS ngày 02 tháng 4 năm 2025 giữa:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Đ (viết tắt: B), trụ sở chính: Số A, T, phường L, quận H, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật của nguyên đơn: ông Phan Đức T, chức vụ: Chủ tịch hội đồng quản trị

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: ông Nguyễn Thành T1, sinh năm 1971; địa chỉ: Số A, Q, phường C, thành phố C, tỉnh An Giang;

Người được ủy quyền lại: Ông Lê Chí T2, sinh năm 1986; địa chỉ: Số A, Q, phường C, thành phố C, tỉnh An Giang.

Bị đơn: Ông Nguyễn Phú C, sinh năm 1984, bà Trương Hồng L, sinh năm 1987; cùng địa chỉ: Căn hộ B, Dự án Nhà ở xã hội, KDC B, khóm T, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Nguyễn Nguyên V, sinh năm 1982;
- Em Nguyễn Hoàng Phương T3, sinh năm 2010;
- Em Nguyễn Hoàng Thảo V1, sinh năm 2011;
- Em Nguyễn Phú Q, sinh năm 2013;

Cùng địa chỉ: Căn hộ B, Dự án Nhà ở xã hội, KDC B, khóm T, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (ông Lê Chí T2) vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn ông Nguyễn Phú C, bà Trương Hồng L và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan (ông Nguyễn Nguyên V, em Nguyễn Hoàng Phương T3, em Nguyễn Hoàng Thảo V1, em Nguyễn Phú Q) vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án Ngân hàng TMCP Đ trình bày:

Ngày 06/11/2015, ông Nguyễn Phú C có ký hợp đồng tín dụng số 01/2015/7431592/HĐTD và Văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng số 01/2018/7431592/HĐTD ngày 09/7/2018 với Ngân hàng TMCP Đ (viết tắt: B) để vay vốn cụ thể: Số tiền vay: 240.000.000 (hai trăm bốn mươi triệu) đồng; Số tiền đã giải ngân: 224.513.000 đồng; Mục đích vay: Trả tiền chưa thanh toán cho chủ đầu tư để mua nhà ở xã hội; Lãi suất cho vay trong hạn: 5%/năm, lãi suất cho vay quá hạn là 150% lãi suất trong hạn; Thời hạn vay: 180 tháng; L1 trả nợ gốc: Thanh toán nợ gốc vào ngày 10 hàng tháng với số tiền 1.330.000 đồng/kỳ trong 179 kỳ bắt đầu từ ngày 10/12/2015, kỳ cuối thanh toán vào ngày 06/11/2030 với số tiền 1.930.000 đồng.

Để bảo đảm khoản vay, ông C, bà L đã thế chấp cho Ngân hàng 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS09408 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh A cấp ngày 03/5/2017 diện tích 3297 m² và căn hộ chung cư số 214, tầng 2F, cấp I, diện tích 45,15 m² tọa lạc đường N, khóm T, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang, theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2015/HĐ ngày 06/11/2015 và văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2018/7431592/SĐBS ngày 09/7/2018.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông C, bà L đã thanh toán tiền gốc và lãi như sau: Nợ gốc: 135.240.000 đồng, nợ lãi: 37.514.836 đồng, lãi chậm trả lãi: 623.632 đồng. Tổng cộng 163.378.468 đồng, sau ngày 03/10/2024 thì ngưng

thanh toán. Nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông C, bà L phải trả cho Ngân hàng tính đến hết ngày 03/10/2024 số tiền 131.642.608 đồng (trong đó gồm: dư nợ gốc 99.273.000 đồng, nợ lãi trong hạn 29.147.046 đồng, nợ lãi quá hạn gốc 312.377 đồng, lãi chậm trả lãi 2.910.185 đồng và toàn bộ lãi phát sinh sau ngày 03/10/2024 theo lãi suất của Hợp đồng tín dụng đã ký. Yêu cầu xử lý tài sản thế chấp trường hợp ông C, bà L không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ khoản nợ yêu cầu.

Quá trình tố tụng, ông C, bà L có thanh toán cho Ngân hàng số tiền tổng vốn gốc 7.990.000 đồng (ngày 13/01/2025 số tiền gốc 4.000.000 đồng và ngày 06/02/2025 số tiền gốc 3.990.000 đồng). Do đó, Ngân hàng xác định yêu cầu ông C, bà L có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng TMCP Đ tổng số tiền vốn gốc và lãi suất vay tính đến hết ngày 20/4/2025 là 128.061.967 (một trăm hai mươi tám triệu không trăm sáu mươi một nghìn chín trăm sáu mươi bảy) đồng, trong đó: nợ gốc 91.283.000 đồng, nợ lãi 36.778.967 đồng (gồm: nợ lãi trong hạn 31.661.031 đồng, lãi phạt cho gốc 535.876 đồng, lãi chậm trả lãi 4.582.060 đồng) và toàn bộ lãi phát sinh sau ngày 20/4/2025 theo lãi suất của Hợp đồng tín dụng đã ký. Yêu cầu xử lý tài sản thế chấp trường hợp ông C, bà L không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ khoản nợ yêu cầu.

Quá trình giải quyết ông C khai: Thống nhất với trình bày của đại diện theo uỷ quyền của Ngân hàng, xác định vào ngày 06/11/2015, có ký hợp đồng tín dụng số 01/2015/7431592/HĐTD và Văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng số 01/2018/7431592/HĐTD ngày 09/7/2018 với Ngân hàng TMCP Đ để vay vốn, thống nhất số tiền, lãi suất, thời hạn cho vay. Để bảo đảm khoản vay, vợ chồng ông C đã thế chấp cho Ngân hàng 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS09408 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh A cấp ngày 03/5/2017 diện tích 3297 m² và căn hộ chung cư số 214, tầng 2F, cấp I, diện tích 45,15 m² tọa lạc đường N, khóm T, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang, theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2015/HĐ ngày 06/11/2015 và văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2018/7431592/SĐBS ngày 09/7/2018. Quá trình thực hiện hợp đồng, vợ chồng ông C đã thanh toán tiền gốc và lãi như sau: Nợ gốc: 135.240.000 đồng, nợ lãi: 37.514.836 đồng, lãi chậm trả lãi: 623.632 đồng. Đến ngày 13/01/2025 trả nợ gốc số tiền 4.000.000 đồng. Tổng cộng 167.378.468 đồng, sau ngày 03/10/2024 thì ngưng thanh toán.

Nay ông C cũng đồng ý trả nợ cho Ngân hàng với phương thức như sau: Do hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên xin trả cho Ngân hàng vào ngày 20/01/2025 số tiền 4.000.000 đồng, mỗi tháng còn lại trả 3.000.000 đồng cho đến khi dứt nợ tính đến hết ngày 12/01/2025 số tiền 129.929.784 đồng (trong đó gồm: dư nợ gốc

95.273.000 đồng, nợ lãi trong hạn 30.480.613 đồng, nợ lãi quá hạn gốc 435.317 đồng, lãi chậm trả lãi 3.740.854 đồng và toàn bộ lãi phát sinh sau ngày 12/01/2024 theo lãi suất của Hợp đồng tín dụng đã ký. Trường hợp Ngân hàng yêu cầu xử lý tài sản thế chấp trường hợp không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ khoản nợ yêu cầu thì ông C cũng đồng ý không có ý kiến khác.

Tại phiên tòa,

- Thẩm phán chủ tọa phiên tòa công bố lời khai của nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Đương sự chấp hành đúng theo quy định Bộ luật Tố tụng dân sự nên đảm bảo được quyền, nghĩa vụ của mình. Tại phiên tòa, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về việc giải quyết vụ án: Thỏa thuận vay nợ được xác lập giữa đôi bên trên cơ sở tự nguyện, không trái quy định pháp luật, đạo đức xã hội, các bên tham gia đều có đầy đủ năng lực hành vi dân sự nên làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên. Do bên vay vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bị đơn trả cho Ngân hàng số tiền vốn, lãi tính đến hết ngày 20/4/2025 là 128.061.967 đồng, tiếp tục trả lãi phát sinh từ ngày 21/4/2025 theo mức lãi suất thỏa thuận quy định trong các hợp đồng tín dụng đã ký cho đến khi thanh toán xong là có căn cứ. Trường hợp, bị đơn không trả nợ thì khi Bản án có hiệu lực pháp luật thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản đảm bảo để thu hồi nợ.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 463, 466 và 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 100, 103 Luật các tổ chức tín dụng ; Điều 7, 8 Nghị quyết 01 ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng,

[1] Về thẩm quyền: Nguyên đơn khởi kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng, vay tài sản với bị đơn ông C, bà L. Hợp đồng được thực hiện tại thành phố C, nguyên đơn đã nộp tạm ứng án phí, lệ phí tòa án. Do đó, việc Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc thụ lý, giải quyết là phù hợp, thuộc thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm g khoản 1 Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt phiên tòa lần thứ hai, không vì lý do bất khả kháng. Cho nên, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt họ theo quy định tại Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung,

[3] Về việc xác lập và thực hiện hợp đồng vay tài sản:

Xét hợp đồng tín dụng số 01/2015/7431592/HĐTD và Văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng số 01/2018/7431592/HĐTD ngày 09/7/2018 giữa ông C, bà L với Ngân hàng TMCP Đ được ký kết trên cơ sở tự nguyện, hình thức và nội dung hợp đồng phù hợp với quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 nên phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên theo hợp đồng. Ông C, bà L đã được ngân hàng giải ngân vay số tiền 240.000.000 đồng; mục đích vay trả tiền chưa thanh toán cho chủ đầu tư để mua nhà ở xã hội; thời hạn vay 180 tháng; lãi suất cho vay trong hạn: 5%/năm, lãi suất cho vay quá hạn là 150% lãi suất trong hạn; lịch trả nợ gốc: Thanh toán nợ gốc vào ngày 10 hàng tháng với số tiền 1.330.000 đồng/kỳ trong 179 kỳ bắt đầu từ ngày 10/12/2015, kỳ cuối thanh toán vào ngày 06/11/2030 với số tiền 1.930.000 đồng. Tuy nhiên đến hạn trả nợ gốc và lãi vay, nhưng ông C, bà L không thanh toán tiền gốc và lãi cho ngân hàng là vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Nên, ngân hàng khởi kiện;

[4] Về yêu cầu của nguyên đơn: Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông C, bà L có trách nhiệm trả nợ gốc và tiền lãi tính đến hết ngày 20/4/2025, cụ thể: là 128.061.967 (một trăm hai mươi tám triệu không trăm sáu mươi một nghìn chín trăm sáu mươi bảy) đồng, trong đó: nợ gốc 91.283.000 đồng, nợ lãi 36.778.967 đồng (gồm: nợ lãi trong hạn 31.661.031 đồng, lãi phạt cho gốc 535.876 đồng, lãi chậm trả lãi 4.582.060 đồng). Thấy rằng, giữa Ngân hàng với ông C, bà L có giao kết hợp đồng tín dụng vay tiền. Quá trình thực hiện hợp đồng, phía bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Do đó, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông C, bà L cùng có trách nhiệm trả nợ là phù hợp với nội dung hợp đồng đã ký kết, phù hợp với quy định

tại các Điều 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Kể từ ngày tiếp theo ngày 20/4/2025, ông Nguyễn Phú C và bà Trương Hồng L còn phải tiếp tục chịu lãi phát sinh của số tiền nợ gốc quá hạn chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của ngân hàng cho vay.

[5] Về hợp đồng thế chấp:

Để đảm bảo các khoản vay nêu trên, ông C, bà L có thế chấp tài sản gồm: 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS09408 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh A cấp ngày 03/5/2017 diện tích 3297 m² và căn hộ chung cư số 214, tầng 2F, cấp I, diện tích 45,15 m² tọa lạc đường N, khóm T, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang, theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2015/HĐ ngày 06/11/2015 và văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2018/7431592/SĐBS ngày 09/7/2018. Xét thấy hợp đồng thế chấp được các bên tự nguyện ký kết, có công chứng và được đăng ký giao dịch bảo đảm là đúng quy định của pháp luật. Do đó, trong trường hợp bị đơn (ông C, bà L) không thực hiện hay thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì ngân hàng có quyền đề nghị cơ quan thi hành án phát mãi tài sản thế chấp nêu trên để thu hồi nợ.

[6] Về chi phí tố tụng: Ngân hàng đã tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ với số tiền 600.000 (sáu trăm nghìn) đồng. Ngân hàng có yêu cầu ông C, bà L phải chịu khoản tiền này. Do yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng được chấp nhận nên xét buộc ông C, bà L phải hoàn trả cho Ngân hàng 600.000 (sáu trăm nghìn) đồng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ theo quy định tại Điều 157, khoản 1 Điều 158 Bộ luật tố tụng dân sự.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Phú C và bà Trương Hồng L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật. Ngân hàng TMCP Đ không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn lại cho Ngân hàng số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 91, 95 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010; các Điều 147, Điều 157, khoản 1 Điều 158,

Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UB TVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Đ:

Buộc ông Nguyễn Phú C và bà Trương Hồng L có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng TMCP Đ tổng số tiền vốn gốc và tiền lãi vay tính đến hết ngày 20/4/2025 là 128.061.967 (một trăm hai mươi tám triệu không trăm sáu mươi một nghìn chín trăm sáu mươi bảy) đồng, trong đó: nợ gốc 91.283.000 đồng, nợ lãi 36.778.967 đồng (gồm: nợ lãi trong hạn 31.661.031 đồng, lãi phạt cho gốc 535.876 đồng, lãi chậm trả lãi 4.582.060 đồng).

Kể từ ngày tiếp theo ngày 20/4/2025, ông Nguyễn Phú C và bà Trương Hồng L còn phải tiếp tục chịu lãi phát sinh của số tiền nợ gốc quá hạn chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của ngân hàng cho vay.

Trường hợp bị đơn (ông Nguyễn Phú C và bà Trương Hồng L) không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ khoản nợ nêu trên thì nguyên đơn có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2015/HĐ ngày 06/11/2015 và văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2018/7431592/SĐBS ngày 09/7/2018 để thu hồi nợ;

2. Về chi phí tố tụng: Buộc ông Nguyễn Phú C và bà Trương Hồng L hoàn trả cho Ngân hàng TMCP Đ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ số tiền 600.000 (sáu trăm nghìn) đồng.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Phú C và bà Trương Hồng L phải chịu 6.403.098 (*sáu triệu bốn trăm lẻ ba nghìn không trăm chín mươi tám*) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng TMCP Đ không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả số tiền 3.292.000 (*ba triệu hai trăm chín mươi hai nghìn*) đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0004137 ngày 29 tháng 10 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Châu Đốc cho Ngân hàng TMCP Đ.

4. Về quyền kháng cáo:

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát TPCĐ (2);
- Tòa án tỉnh An Giang (1);
- Thi hành án DS TPCĐ (1);
- Lưu hồ sơ (1),
- Lưu văn phòng (1).

THẨM

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Văn Đức